

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG MỀM 1 VÀ 2**

**Số tín chỉ: 04**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành: Dùng chung cho các ngành**

**Năm 2016**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành:** Dùng chung cho các ngành

- 1. Tên học phần:** *Kỹ năng mềm 1 và 2*
- 2. Mã học phần:** KNM1
- 3. Số tín chỉ:** 4 (2,2)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bổ thời gian:**
  - 5.1. Học kỳ I**
    - Lên lớp: 15 tiết lý thuyết, 30 giờ thực hành
    - Tự học: 60 giờ
  - 5.2. Học kỳ II**
    - Lên lớp: 15 tiết lý thuyết, 30 giờ thực hành
    - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Không.
- 7. Giảng viên:**

|    |                           |              |                             |
|----|---------------------------|--------------|-----------------------------|
| 1  | T.S.Nguyễn Thị Kim Nguyên | 0984794081   | kimnguyendhsd1@gmail.com    |
| 2  | ThS. Phạm Xuân Đức        | 0904.409.139 | yenduclinh@gmail.com        |
| 3  | ThS. Trần Thị Hồng Nhung  | 0974.588.423 | Nhungkienlinhchi@gmail.com  |
| 4  | ThS. Nguyễn Thị Hiền      | 0972.579.236 | nguyenhienhp25@gmail.com    |
| 5  | ThS. Phạm Thị Hồng Hoa    | 0384.080136  | Honghoa_dhsd@yahoo.com      |
| 6  | ThS. Nguyễn Thị Hải Hà    | 0984.851.368 | nguyenhadhsd@gmail.com      |
| 7  | ThS. Đặng Thị Dung        | 0357.158.987 | dungdungdhsd@gmail.com      |
| 8  | ThS. Nguyễn Thị Tình      | 0984.327.750 | Tinh261086@gmail.com        |
| 9  | ThS. Vũ Văn Đông          | 0985.412.618 | Duydongvu82@gmail.com       |
| 10 | ThS. Nguyễn Mạnh Tường    | 0904476146   | Nguyenmanhtuong10@gmail.com |
| 11 | ThS. Trần Thị Ngọc Yến    | 0978933998   | yenmailinh86@gmail.com      |
| 12 | ThS. Phạm Văn Dự          | 0976181949   | phamvandu84@gmail.com       |
| 13 | ThS. Phạm Thị Mai         | 0978370438   | nng44862@gmail.com          |
| 14 | ThS. Đỗ Thị Thuỳ          | 0936503703   | thuydhsd@gmail.com          |

**8. Mô tả nội dung của học phần:**

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, nội dung và nguyên tắc của kỹ năng quản lý bản thân; khái niệm, vai trò, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; khái niệm, hình thức, vai trò của kỹ năng giao tiếp, các nguyên tắc giao tiếp và kỹ năng giao tiếp hiệu quả. Hình thành cho sinh viên kỹ năng quản lý bản

thân, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng giao tiếp ứng xử, từ đó giúp sinh viên biết vận dụng kỹ năng trong học tập và trong cuộc sống.

## 9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

### 9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

| Mục tiêu   | Mô tả   | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|------------|---|----------------------------|--------------------------------------|
| <b>MT1</b> | <b>Kiến thức</b>  |                            |                                      |
| MT1.1      | Có kiến thức cơ bản về kỹ năng quản lý bản thân.  | 2                          | [1.2.1.1a]                           |
| MT1.2      | Có kiến thức cơ bản về kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.   | 2                          |                                      |
| MT1.3      | Có kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp.   | 2                          |                                      |
| <b>MT2</b> | <b>Kỹ năng</b>  |                            |                                      |
| MT2.1      | Phân tích được kỹ năng quản lý bản thân, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và các kỹ năng giao tiếp ứng xử. | 4                          | [1.2.2.3]                            |
| MT2.2      | Vận dụng các kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.                           | 3                          |                                      |
| <b>MT3</b> | <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>  |                            |                                      |
| MT3.1      | Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.                       | 4                          | [1.2.3.1]                            |
| MT3.2      | Có năng lực định hướng đánh giá và đưa ra kết luận.   | 4                          | [1.2.3.2]                            |

### 9.2. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| CĐR học phần | Mô tả   | Thang đo Bloom | Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT |
|--------------|---|----------------|---------------------------------|
| <b>CĐR1</b>  | <b>Kiến thức</b>  |                |                                 |
| CĐR1.1       | Hiểu được khái niệm, nội dung và nguyên tắc của kỹ năng quản lý bản thân. | 2              | [2.1.1]                         |
| CĐR1.2       | Hiểu được khái niệm, vai trò, các kỹ năng tự học, tự                      | 2              |                                 |

| <b>CDR học phần</b> | <b>Mô tả</b>   | <b>Thang đo Bloom</b> | <b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b> |
|---------------------|--|-----------------------|--|
|                     | nghiên cứu,.   |                       |  |
| CDR1.3              | Hiểu được khái niệm, hình thức, vai trò của kỹ năng giao tiếp, các nguyên tắc giao tiếp và kỹ năng giao tiếp hiệu quả. | 2                     |  |
| <b>CDR 2</b>        | <b>Kỹ năng</b>   |                       |  |
| CDR2.1              | Có kỹ năng kỹ năng quản lý bản thân, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và các kỹ năng giao tiếp.                       | 4                     | [2.2.4]                                |
| CDR2.2              | Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và giao tiếp tốt.  | 4                     |  |
| <b>CDR 3</b>        | <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>   |                       |  |
| CDR3.1              | Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc.                        | 4                     | [2.3.1]                                |
| CDR3.2              | Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân.  | 4                     | [2.3.3]                                |

#### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

| <b>BÀI</b> | <b>Nội dung học phần</b>   | <b>Chuẩn đầu ra của học phần</b> |                |                |                |                |                |                |
|------------|--|----------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|            |  | <b>CDR1</b>                      |                |                | <b>CDR2</b>    |                | <b>CDR3</b>    |                |
|            |  | <b>CDR 1.1</b>                   | <b>CDR 1.2</b> | <b>CDR 1.3</b> | <b>CDR 2.1</b> | <b>CDR 2.2</b> | <b>CDR 3.1</b> | <b>CDR 3.2</b> |
| 1          | <b>Bài 1: Kỹ năng quản lý bản thân</b><br>1. Khái niệm kỹ năng quản lý bản thân<br>2. Nội dung kỹ năng quản lý bản thân<br>3. Nguyên tắc quản lý bản thân<br>4. Quản lý bản thân bằng “5S + 4D”<br>4.1. Quản lý bằng 5S<br>4.2. Quản lý bằng 4D<br>5. Một số kỹ năng giúp bạn quản lý bản thân<br>5.1. Kỹ năng quản lý thời gian<br>5.2. Kỹ năng quản lý cảm xúc | x                                |                |                | x              | x              | x              | X              |
| 2          | <b>Bài 2: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu</b><br>1. Khái niệm và vai trò của tự học, tự nghiên cứu   |                                  | x              |                | x              | x              | x              | X              |

| BÀI | Nội dung học phần  | Chuẩn đầu ra của học phần |            |            |            |            |            |            |
|-----|--|---------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|     |  | CDR1                      |            |            | CDR2       |            | CDR3       |            |
|     |  | CDR<br>1.1                | CDR<br>1.2 | CDR<br>1.3 | CDR<br>2.1 | CDR<br>2.2 | CDR<br>3.1 | CDR<br>3.2 |
|     | 1.1. Khái niệm tự học, tự nghiên cứu<br>1.2. Vai trò của tự học, tự nghiên cứu<br>2. Các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cần thiết<br>2.1. Kỹ năng tự học<br>- Lập kế hoạch học tập<br>- Nghe giảng ghi bài trên lớp<br>- Tự học bài ở nhà<br>- Học nhóm<br>- Đọc sách<br>- Tìm thông tin trên Internet<br>- Chọn lọc sử dụng kiến thức cũ<br>2.2. Kỹ năng tự nghiên cứu   |                           |            |            |            |            |            |            |
| 3   | <b>Bài 3: Kỹ năng giao tiếp</b><br>1. Khái niệm giao tiếp và vai trò của giao tiếp<br>1.1. Giao tiếp và các hình thức giao tiếp<br>1.2. Vai trò của giao tiếp<br>2. Các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp<br>2.1. Các nguyên tắc giao tiếp<br>2.2. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả<br>- Kỹ năng tạo thiện cảm<br>- Kỹ năng lắng nghe hiệu quả<br>- Thấu hiểu tâm lý<br>- Nghi thức trong giao tiếp<br>- Giao tiếp qua điện thoại<br>2.3. Các phương tiện giao tiếp cơ bản |                           |            | x          | x          | x          | x          | X          |

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

| Chuẩn đầu ra | Mức độ thành thạo được đánh giá bởi   |
|--------------|---|
| CDR 1        | Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần, kiểm tra kết thúc học phần.   |
| CDR 2        | Kết quả thảo luận và rèn luyện kỹ năng trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần, kiểm tra kết thúc học phần. |
| CDR 3        | Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, kiểm tra  |

|  |  |
|--|--|
|  | giữa học phần, kiểm tra kết thúc học phần. |
|--|--|

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

| STT | Điểm thành phần   | Quy định       | Trọng số | Ghi chú |
|-----|---|----------------|----------|---------|
| 1   | Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên... | 1 điểm         | 20%      |         |
| 2   | Kiểm tra giữa học phần  | 01 bài tự luận | 30%      |         |
| 3   | Thi kết thúc học phần   | Thực hành      | 50%      |         |

### 11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện của sinh viên trên lớp, tinh thần tác phong xây dựng bài, tự học, hoạt động nhóm, ý thức thực hiện các nhiệm vụ về nhà.

- Kiểm tra giữa học phần được thực hiện sau khi sinh viên học được 1/2 chương trình, đánh giá theo hình thức tự luận, có liên hệ thực tiễn và vận dụng vào bản thân:

- + Thời gian làm bài: 50 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

- Thi kết thúc học phần theo hình thức thực hành kỹ năng theo nhiệm vụ các giảng viên giao cho.

## 12. Phương pháp dạy và học

Tích cực hóa hoạt động của người học, khơi dậy và phát triển khả năng tự học nhằm hình thành tư duy tích cực, độc lập sáng tạo.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng tự học thông qua khả năng tự nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Đối với giảng dạy lý thuyết giảng viên kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại, dự án,... để làm rõ các khái niệm, nguyên tắc; lấy ví dụ và liên hệ thực tiễn; nêu vấn đề, trả lời các câu hỏi của sinh viên và tóm tắt bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các câu hỏi, vận dụng nội dung kiến thức bài học để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

- Đối với giờ thực hành: Giảng viên đưa ra chủ đề; khích lệ sinh viên thực hành theo nhóm để rèn luyện được kỹ năng đã học.

- Đối với bài tập, nhiệm vụ về nhà: Giảng viên giao bài tập cho cá nhân hoặc cho các nhóm và yêu cầu sinh viên thực hiện. Sinh viên xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc sắp xếp và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để thực hiện

## 13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc giáo trình trước khi đến lớp, đọc thêm các tài liệu liên quan đến kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng tự học tự nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp, ứng xử.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu trước khi đến lớp. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giảng viên phân công. Tích cực thảo luận, xây dựng bài trên lớp.

- Yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ về nhà: Giảng viên giao bài tập cho cá nhân hoặc cho các nhóm và yêu cầu sinh viên thực hiện. Sinh viên xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc sắp xếp và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để thực hiện

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo quy chế.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo quy chế.

#### 14. Tài liệu phục vụ học phần:

##### - Tài liệu bắt buộc:

[1]. Trường Đại học Sao Đỏ (2014), *Giáo trình Kỹ năng mềm*, in lưu hành nội bộ.

##### - Tài liệu tham khảo:

[2] Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cầu (2010), *Kỹ năng tổ chức các hoạt động công tác thanh thiếu niên*, NXB Thanh niên, Hà Nội.

[3] Trần Hoàng Trung (2009), *Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên*, NXB Văn hóa Thông tin. Hà Nội.

[4] Trần Văn Trung (2010), *Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

[5] Vũ Minh Tân dịch (2016), *Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

#### 15. Nội dung chi tiết học phần:

##### 15.1 Năm thứ nhất – Học kỳ I

| TT | Nội dung giảng dạy  | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV  |
|----|---|-----------|-----------|--------------------|--|
| 1  | <p>CHUYÊN ĐỀ: Tạo ấn tượng đầu tiên với mọi người</p> <p>Bài 1: Kỹ năng quản lý bản thân</p> <p>* Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên hiểu được khái niệm, nội dung và các nguyên tắc quản lý bản thân.</li> <li>- Sinh viên phân tích được phương pháp quản lý bản thân bằng 5S+4D và một số</li> </ul> | 3         | 6         | [1]<br>[2]<br>[5]  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị các dụng cụ học tập</li> <li>- Đọc tài liệu 1 tr 1-3.</li> <li>- Đọc tài liệu số 2 tr 62-69.</li> <li>- Đọc tài liệu số 5 tr 7-53</li> <li>- Thực hành theo nội dung tiết học</li> </ul> |

| TT | Nội dung giảng dạy   | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV  |
|----|--|-----------|-----------|--------------------|--|
|    | <p>kỹ năng để quản lý bản thân.</p> <p>- Sinh viên vận dụng để tự quản lý bản thân khi sống xa nhà.</p> <p>1. Khái niệm kỹ năng quản lý bản thân</p> <p>2. Nội dung kỹ năng quản lý bản thân</p> <p>3. Nguyên tắc quản lý bản thân</p> <p>* Thực hành kỹ năng</p>  |           |           |                    |  |
| 2  | <p>CHUYÊN ĐỀ: Giáo dục đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội</p> <p>4. Quản lý bản thân bằng “5S + 4D”</p> <p>4.1. Quản lý bằng 5S</p> <p>4.2. Quản lý bằng 4D</p> <p>5. Một số kỹ năng giúp bạn quản lý bản thân</p> <p>5.1. Kỹ năng quản lý thời gian</p> <p>5.2. Kỹ năng quản lý cảm xúc</p> <p>* Thực hành kỹ năng</p>              | 3         | 6         | [1]<br>[2]<br>[5]  | <p>- Đọc tài liệu 1 tr 4-12.</p> <p>- Đọc tài liệu số 2 tr 76-86.</p> <p>- Đọc tài liệu số 5 tr.53-167.</p> <p>- Thực hành theo nội dung tiết học</p>  |
| 3  | <p>CHUYÊN ĐỀ: Động cơ, ý thức học tập của sinh viên hiện nay</p> <p>* Thực hành tổng hợp bài 1</p>   | 3         | 6         | [1]<br>[2]         | <p>- Đọc tài liệu 1 tr 1-12.</p> <p>- Đọc tài liệu tham khảo số 2 tr.204-205</p> <p>Đọc tài liệu tham khảo</p> <p>- Thực hành theo theo sự hướng dẫn của giảng viên</p>  |
| 4  | <p>CHUYÊN ĐỀ: Văn hóa giao tiếp, ứng xử học đường của sinh viên</p> <p>Bài 2: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu</p> <p>*Mục tiêu bài:</p> <p>- Sinh viên hiểu được khái niệm, vai trò của tự học, tự nghiên cứu.</p> <p>- Sinh viên phân tích được các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cần thiết.</p> <p>- Sinh viên vận dụng được</p> | 3         | 6         | [1]<br>[2]<br>[3]  | <p>- Chuẩn bị trước các dụng cụ học tập</p> <p>- Học bài ở nhà toàn bộ nội dung kiến thức bài học</p> <p>- Đọc tài liệu 1 tr 13-14.</p> <p>- Đọc tài liệu số 2 tr 12-20.</p> <p>- Đọc tài liệu số 3 tr 55.</p> <p>- Thực hành theo nội dung tiết học</p> |



| TT | Nội dung giảng dạy  | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV   |
|----|---|-----------|-----------|--------------------|---|
|    | <p>các kỹ năng tự học vào quá trình học tập.</p> <p>1. Khái niệm và vai trò của tự học, tự nghiên cứu</p> <p>1.1. Khái niệm tự học, tự nghiên cứu</p> <p>1.2. Vai trò của tự học, tự nghiên cứu</p> <p>2. Các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cần thiết</p> <p>2.1. Kỹ năng tự học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập kế hoạch học tập</li> <li>- Nghe giảng ghi bài trên lớp</li> <li>- Tự học bài ở nhà</li> <li>- Học nhóm</li> <li>- Đọc sách</li> </ul> <p>* Thực hành kỹ năng</p> |           |           |                    |   |
| 5  | <p>CHUYÊN ĐỀ: Sinh viên với việc tự quản lý bản thân</p> <p>* Thực hành kỹ năng</p> <p>Kiểm tra học kỳ</p>  | 3         | 6         | [1]<br>[3]         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức một buổi tự học của nhóm.</li> <li>- Đọc tài liệu 1 tr 13-17.</li> <li>- Đọc tài liệu 3 tr.166</li> <li>- Ôn tập kiểm tra kết thúc học kỳ</li> </ul> |

### 13.2. Năm thứ nhất - Kỳ II

| TT | Nội dung giảng dạy  | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV  |
|----|---|-----------|-----------|--------------------|--|
| 1  | <p>CHUYÊN ĐỀ: Sinh viên với quyền sở hữu trí tuệ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm thông tin trên Internet</li> <li>- Chọn lọc sử dụng kiến thức cũ</li> </ul> <p>2.2. Kỹ năng tự nghiên cứu</p> <p>* Thực hành tổng hợp bài 2</p> | 3         | 6         | [1]<br>[3]         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung kiến thức bài học</li> <li>- Đọc tài liệu 1 tr 17-19.</li> <li>- Đọc tài liệu số 3 tr 59.</li> <li>- Thực hành theo nội dung tiết học</li> </ul> |
| 2  | <p>CHUYÊN ĐỀ: Vấn đề đạo đức, lối sống của sinh viên, thanh niên hiện nay</p> <p>Bài 3: Kỹ năng giao tiếp</p> <p>* Mục tiêu bài:</p> <p>Giúp cho sinh viên hiểu</p>   | 3         | 6         | [1]<br>[2]<br>[4]  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung kiến thức bài học</li> <li>- Đọc tài liệu 1 tr 20-21.</li> <li>- Đọc tài liệu số 2 tr 12-14.</li> </ul>  |

| TT | Nội dung giảng dạy  | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước       | Nhiệm vụ của SV  |
|----|---|-----------|-----------|--------------------------|--|
|    | <p>được vai trò, hình thức giao tiếp; một số vấn đề cần thiết trong giao tiếp như lắng nghe, thuyết trình, tạo thiện cảm, giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; một số hình thức giao tiếp ứng xử trong nhà trường. Qua đó, sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập, rèn luyện và giao tiếp hằng ngày.</p> <p>1. Khái niệm giao tiếp và vai trò của giao tiếp</p> <p>1.1. Giao tiếp và các hình thức giao tiếp</p> <p>1.2. Vai trò của giao tiếp</p> <p>2. Các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp</p> <p>2.1. Các nguyên tắc giao tiếp</p> <p>* Thực hành kỹ năng</p> |           |           |                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu số 4 tr 68-70</li> <li>- Thực hành theo nội dung tiết học</li> </ul>   |
| 3  | <p><b>CHUYÊN ĐỀ:</b> Văn hóa đọc sách của giới trẻ (ngày Sách Việt Nam 21/04)</p> <p>2.2. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng tạo thiện cảm</li> <li>- Kỹ năng lắng nghe hiệu quả</li> <li>- Thấu hiểu tâm lý</li> <li>- Nghi thức trong giao tiếp</li> <li>- Giao tiếp qua điện thoại</li> </ul> <p>* Thực hành kỹ năng</p>  | 3         | 6         | [1]<br>[2]<br>[3]<br>[4] | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung kiến thức bài học</li> <li>- Đọc tài liệu 1 tr 22-25.</li> <li>- Đọc tài liệu số 2 tr 14-19.</li> <li>- Đọc tài liệu số 3 tr 51</li> <li>- Đọc tài liệu số 4 tr 71-77</li> <li>- Thực hành theo nội dung tiết học</li> <li>- Viết bài thu hoạch</li> </ul> |
| 4  | <p><b>CHUYÊN ĐỀ:</b> Sinh viên với việc vượt qua khó khăn và áp lực cuộc sống</p> <p>2.3. Các phương tiện giao tiếp cơ bản</p> <p>* Thực hành kỹ năng</p>   | 3         | 6         | [1]<br>[2]<br>[4]        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung kiến thức bài học</li> <li>- Đọc tài liệu 1 tr 25-27.</li> <li>- Đọc tài liệu số 2 tr 19-20.</li> <li>- Đọc tài liệu số 4 tr 79-83.</li> <li>- Thực hành theo nội dung tiết học</li> </ul>   |
| 5  | <p><b>CHUYÊN ĐỀ: Sinh viên với vấn đề định hướng nghề nghiệp</b></p>  | 3         | 6         | [1]<br>[2]               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu 1 tr 20-27.</li> <li>- Đọc tài liệu số 2 tr 63.</li> <li>- Thực hành theo nội</li> </ul>   |

| TT | Nội dung giảng dạy                            | Lý thuyết | Thực hành | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV                                    |
|----|---|-----------|-----------|--------------------|--|
|    | * Thực hành tổng hợp bài 3<br>Kiểm tra học kỳ |           |           |                    | dung tiết học<br>- Ôn tập kiểm tra kết thúc học kỳ |

Hải Dương, ngày 19 tháng 8 năm 2016

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên**

**TRƯỞNG KHOA**

**Phạm Thị Hồng Hoa**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**Phạm Xuân Đức**